

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI VÀ PHÂN BỐ ĐỘNG VẬT HAI MẢNH VỎ VÀ GIÁP XÁC CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ Ở ĐẦM Ô LOAN, TỈNH PHÚ YÊN

Hoàng Đình Trung*, Nguyễn Hữu Nhật

Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế

* Email: hoangtrung_na_0208@yahoo.com

TÓM TẮT

Bài báo này công bố kết quả điều tra về thành phần loài động vật Hai mảnh vỏ và Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan, tỉnh Phú Yên. Đến nay đã xác định được 14 loài thuộc 10 giống, 9 họ, 6 bộ của lớp Hai mảnh vỏ và Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan. Trong đó, lớp Giáp xác có 6 loài thuộc 4 giống, 2 họ, 1 bộ, lớp Hai mảnh vỏ có 8 loài thuộc 6 giống, 7 họ, 5 bộ. Bộ Decapoda ưu thế nhất về loài với 6 loài (chiếm 42,86%), 3 giống (chiếm 30%), 2 họ (chiếm 22,22%); năm bộ còn lại (Arcoidea, Pectinoidea, Pectinida, Veneroidea, Mytiloidea) cùng có 1 loài (chiếm 7,14%), 1 giống (chiếm 10%), 1 họ (chiếm 11,11%).

Bài báo cũng đề cập đến sự phân bố của động vật Giáp xác và Hai mảnh vỏ theo tính chất nền đáy, theo không gian, thời gian và độ mặn ở đầm Ô Loan, Phú Yên.

Từ khóa: động vật hai mảnh vỏ, giáp xác, đầm Ô Loan, tỉnh Phú Yên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phú Yên là tỉnh ven biển Nam Trung Bộ với chiều dài bờ biển 189km, có nhiều dãy núi nhô ra biển hình thành các đầm, vịnh rất thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản. Đầm nước lợ Ô Loan nằm lọt trong đất liền, ở phía Nam thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, nằm cạnh chân đèo Quán Cau, cách thành phố Tuy Hòa khoảng 25km về phía Bắc theo đường Quốc lộ 1A. Đầm có diện tích khoảng 1.570ha, trải dài theo hướng Bắc – Nam, diện tích mặt nước rộng khoảng 1.200ha. Trong sản lượng khai thác nguồn lợi thủy sản ở đầm Ô Loan, động vật Hai mảnh vỏ (Bivalvia) và Giáp xác (Crustacea) đứng thứ hai sau cá, có ý nghĩa đặc biệt về mặt sinh thái và đời sống của con người. Trong tự nhiên, Hai mảnh vỏ và Giáp xác là thành phần thức ăn quan trọng của nhiều loài cá kinh tế, đối tượng khai thác quan trọng, nguồn thực phẩm đem lại giá trị thương phẩm cao. Trong những năm gần đây, dưới tác động mạnh mẽ của phát triển kinh tế, gia tăng dân số, biến đổi khí hậu, phương tiện khai thác hủy diệt và khai thác quá mức làm cho nguồn lợi thủy sản ở đầm Ô Loan giảm sút. Các dẫn liệu về thành phần loài, đặc điểm phân bố các loài Hai mảnh vỏ và Giáp xác cỡ lớn có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan chưa điều tra nghiên cứu đầy đủ, hệ thống cho nên chưa thể đánh giá hết được giá trị đa dạng sinh học vốn có, chưa đưa ra được những nhóm giải pháp khai thác, nuôi thả nhằm phát triển bền vững nguồn lợi. Bài báo công bố kết quả nghiên cứu đa dạng về thành phần loài, đặc điểm phân bố Hai mảnh vỏ và

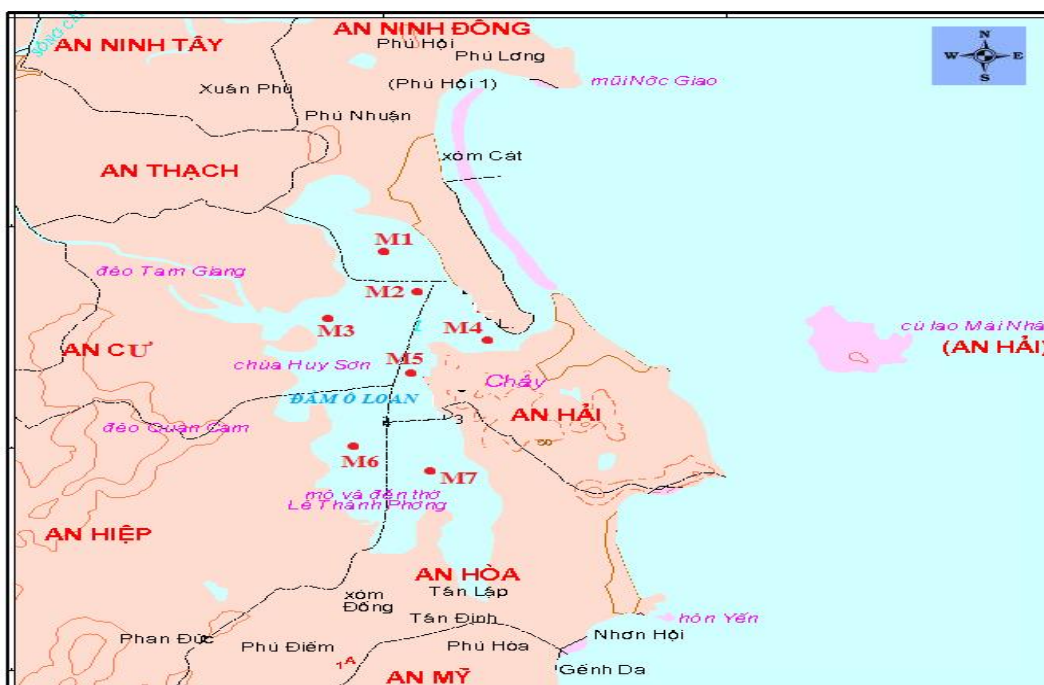
Đa dạng thành phần loài và phân bố động vật hai mảnh vỏ và giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan...

Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học, bảo vệ nguồn lợi và quản lý tổng hợp tài nguyên sinh học ở đầm theo hướng bền vững.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về thành phần loài động vật Hai mảnh vỏ và Giáp xác cỡ lớn có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan. Quá trình nghiên cứu được thực hiện theo 7 điểm (ký hiệu từ M1 - M7). Các điểm lấy mẫu được lựa chọn sao cho có thể đại diện cho vùng lấy mẫu và tuân thủ đúng theo quy trình, quy phạm điều tra cơ bản của UBKHKT, nay là Bộ KH&CN ban hành 1981 (hình 1 và bảng 1).



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm thu mẫu ở đầm Ô Loan

Bảng 1. Địa điểm tiến hành thu mẫu trên đầm Ô Loan

Stt	Địa điểm thu mẫu	Vị trí	Vị trí	
			Kinh độ (Đông)	Vĩ độ (Bắc)
1	Xã An Ninh Đông	109 ⁰ 16' 10,1"	13 ⁰ 17' 50,1"	M1
2	Xã An Cư	109 ⁰ 16' 38,5"	13 ⁰ 17' 28,2"	M2
3	Xã An Cư	109 ⁰ 16' 3,1"	13 ⁰ 17' 13,2"	M3
4	Xã An Hải	109 ⁰ 17' 9,7"	13 ⁰ 16' 57,3"	M4
5	Xã An Hải	109 ⁰ 16' 10,3"	13 ⁰ 16' 31,6"	M5
6	Xã An Hiệp	109 ⁰ 16' 4,7"	13 ⁰ 15' 0,4"	M6
7	Xã An Hòa	109 ⁰ 16' 41,5"	13 ⁰ 15' 18,2"	M7

2.2. Phương pháp thu mẫu và định loại

Thu mẫu động vật đáy bằng gầu đáy Petersen có diện tích là 0,025 m² và sàng lọc qua lưới 2 tầng; có mắt lưới 0,5mm và 0,25mm. Thời gian khảo sát và thu thập mẫu vật từ tháng 7/2015 đến tháng 3/2016, tần suất lấy mẫu là 1 lần/tháng. Mẫu được xử lý ngay khi đang còn tươi, định hình trong dung dịch cồn 90⁰, ghi nhãn (tên họ Việt Nam, tên địa phương, thời gian và địa điểm thu mẫu). Ngoài ra, còn gửi các bình có dung dịch formol 4% để nhờ ngư dân trên đầm thu mẫu thêm. Mẫu vật được định loại theo các khóa định loại của Nguyễn Văn Chung (1994) [1]; Gurjanova (1972) [2]; Köhler, F. *et al.* (2009) [3]; Rolf A. M. Brandt (1974) [4]; Sangradub N. and Boonsoong B., (2004) [5]; Đặng Ngọc Thanh, Thái Trần Bái, Phạm Văn Miên (1980) [6]; Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải (2001) [7].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Danh sách và cấu trúc thành phần loài

Đã xác định được 14 loài động vật Hai mảnh vỏ và Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan thuộc 10 giống, 9 họ, 6 bộ và 2 lớp. Trong đó, lớp Giáp xác có 6 loài thuộc 4 giống, 2 họ, 1 bộ; lớp Hai mảnh vỏ có 8 loài thuộc 6 giống, 7 họ, 5 bộ. Bộ Decapoda ưu thế nhất về loài với 6 loài (chiếm 42,86%), 3 giống (chiếm 30%), 2 họ (chiếm 22,22%); năm bộ còn lại (Arcoida, Pectinoidea, Pectinida, Veneroidea, Mytiloidea) cùng có 1 loài (chiếm 7,14%), 1 giống (chiếm 10%), 1 họ (chiếm 11,11%), (bảng 2 và bảng 3).

Bảng 2. Danh sách thành phần loài động vật Hai mảnh vỏ và Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan, tỉnh Phú Yên

Stt	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Đặc điểm phân bố						
			M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7
I	Lớp Giáp xác - Crustacea								
	Bộ Mười chân - Decapoda								
(1)	Họ tôm he -Penaeidae								
1	<i>Metapenaeus ensis</i> (De Haan, 1844)	Tôm rảo đất	+	+	+	+	+	+	+
2	<i>Penaeus mergueensis</i> De Man, 1882	Tôm bạc thê	-	-	+	+	+	+	+
3	<i>Penaeus semisulcatus</i> De Haan, 1844	Tôm rần	-	-	+	+	+	+	+
4	<i>Penaeus monodon</i> Fabricius, 1798	Tôm sú	+	-	+	-	-	+	+
(2)	Họ cua bơi - Portunidae								
5	<i>Scylla serrata</i> (Forsk., 1775)	Cua xanh	+	+	-	+	+	-	+
6	<i>Portunus pelagicus</i> (Linnaeus, 1758)	Ghẹ xanh	-	-	-	+	+	-	+
II	Lớp Hai mảnh vỏ - Bivalvia								
	Bộ Arcoida								
(3)	Họ Arcidae								
7	<i>Anadara gransona</i> (Linnaeus, 1758)	Sò huyết	+	-	+	+	-	+	-
8	<i>Anadara subcrenata</i> (Lischke,	Sò lông	+	-	+	+	-	+	-

Đa dạng thành phần loài và phân bố động vật hai mảnh vỏ và giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan...

	1869)								
	Bộ Pectinoida								
(4)	Họ Hàu - Ostreidae								
9	<i>Ostrea rivularis</i> (Gould 1861)	Hàu cửa sông	+	-	-	+	+	+	-
	Bộ Pectinida								
(5)	Họ Placunidae								
10	<i>Placuna placenta</i> (Linnaeus, 1758)	Điệp trắng	-	-	+	-	-	+	+
	Bộ Veneroida								
(6)	Họ Cyrenidae								
11	<i>Corbicula</i> sp.	Dắt	-	-	-	+	-	-	-
(7)	Họ Solenidae								
12	<i>Solen</i> sp.	Móng tay	-	-	-	+	+	-	-
(8)	Họ Veneridae								
13	<i>Meretrix meretrix</i> (Linnaeus, 1758)	Trìa mờ	-	-	-	+	-	-	-
	Bộ Mytiloida								
(9)	Họ vẹm Mytilidae								
14	<i>Perna viridis</i> (Linnaeus, 1758)	Vẹm xanh	-	-	-	+	-	-	-
	Tổng		6	2	7	12	7	8	7

Bảng 3. Đa dạng theo bậc giống và loài của Hai mảnh vỏ và Giáp xác ở đầm Ô Loan

Stt	Họ	Giống		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Penaeidae	1	10	4	28,57
2	Portunidae	2	20	2	14,29
3	Arcidae	1	10	2	14,29
4	Ostreidae	1	10	1	7,14
4	Placunidae	1	10	1	7,14
5	Cyrenidae	1	10	1	7,14
6	Solenidae	1	10	1	7,14
7	Veneridae	1	10	1	7,14
8	Mytilidae	1	10	1	7,14
	Tổng số	10	100	14	100

3.2. Đặc điểm phân bố Hai mảnh vỏ và Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan

Điều kiện môi trường, nhất là đặc tính nền đáy thủy vực có ảnh hưởng rất lớn đến sự phân bố của các loài động vật đáy. Ngoài ra, đầm Ô Loan có chế độ thủy lý, thủy hóa biến động theo không gian và thời gian, vì vậy, sự phân bố của các loài Hai mảnh vỏ và Giáp xác trong vùng có sự thay đổi theo không gian và theo thời gian.

3.2.1. Đặc điểm phân bố theo nền đáy

Trên cơ sở thành phần loài đã xác định được kết hợp với đặc điểm tính chất nền đáy và sự có mặt các loài tại các điểm khảo sát, chúng tôi có được dẫn liệu bước đầu phân bố thành phần loài Hai mảnh vỏ và Giáp xác ở đầm Ô Loan.

+ Nền đáy bùn cát: nền đáy có tính chất bùn pha cát, trong đó bùn chiếm tỉ lệ cao (50 – 60%) với các hạt bùn có kích thước rất nhỏ. Phân bố ở xã An Cư (M3) gần cửa sông Hà Yên, xã An Hiệp (M6) và phía Nam xã An Hòa (M7). Đây là khu vực phân bố của các 09 loài (chiếm 64,29% tổng số loài): Tôm rảo đất, Tôm lột bạc thẻ, Tôm rần, Tôm sú, Cua xanh, Ghẹ xanh, Sò huyết, Hàu, Đệp trắng.

+ Nền đáy cát bùn: nền đáy có tính chất cát pha bùn, trong đó cát (có kích thước hạt từ 0,5 – 1mm) chiếm tỉ lệ lớn (70 – 80%). Phân bố ở cửa biển Tân Quy tại xã An Hải (M4), xã An Ninh Đông (M1), xã An Cư (M2) của nửa phía Bắc đầm và phía Nam, chúng xuất hiện trong eo Lỗ Dừng, eo Gò Chà, eo Gò Muống. Đây là khu vực phân bố của 11 loài (78,57% tổng số loài) cho sản lượng khai thác cao, tần suất bắt gặp nhiều trong các đợt khảo sát thu mẫu: Tôm rảo đất, Tôm lột bạc thẻ, Tôm rần, Tôm sú, Cua xanh, Ghẹ xanh, Sò huyết, Hàu, Đệp trắng, Ngao dầu, Sò huyết.

+ Nền đáy cứng: Thường phân bố ở xã An Hải (M5) và ở ven bờ đầm, dưới chân các đảo (mũi Rầy, mũi Đá Trắng, hòn Khô, hòn Chùa). Trong loại trầm tích này các hạt có kích thước trung bình từ 100mm trở lên. Chúng là sản phẩm phong hóa của các khối Granít, Bazan có mặt ở chung quanh đầm, khu vực phân bố của 06 loài (chiếm 42,86%): Tôm rảo đất, Tôm lột bạc thẻ, Tôm rần, Cua xanh, Ghẹ xanh, Hàu.

3.2.2. Đặc điểm phân bố theo thời gian

Sự phân bố của các loài Hai mảnh vỏ và Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan thay đổi theo thời gian, do ở các thời điểm khác nhau thì các yếu tố môi trường sẽ không giống nhau. Các yếu tố khí hậu, chất lượng môi trường, dòng chảy và nguồn thức ăn là những yếu tố quan trọng chi phối sự phân bố của các loài động vật không xương sống cỡ lớn (ĐVKXSCL) theo thời gian. Số loài thu được cao nhất là tháng 7 với 12 loài (chiếm 85,71% tổng số loài); kế tiếp là tháng 6 với 11 loài (chiếm 78,57%); tháng 5 và tháng 8 cùng có 10 loài (chiếm 71,43%); tháng 4 có 9 loài (chiếm 64,29%), tháng 9 có 8 loài (chiếm 57,14%); các tháng còn lại dao động trong khoảng 3– 6 loài (bảng 4).

Bảng 4. Đặc điểm phân bố thành phần loài Hai mảnh vỏ và Giáp xác theo thời gian

Stt	Tên Khoa học	Đặc điểm phân bố theo thời gian											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
1	<i>Metapenaeus ensis</i> (De Haan, 1844)	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+
2	<i>Penaeus mergueensis</i> De Man, 1882	-	-	-	-	-	-	-	+	+	+	+	-
3	<i>Penaeus semisulcatus</i> De Haan,	-	-	-	-	-	-	-	+	+	+	+	-

Đa dạng thành phần loài và phân bố động vật hai mảnh vỏ và giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan...

	1844												
4	<i>Penaeus monodon</i> Fabricius, 1798	-	-	-	-	-	-	+	-	-	+	+	+
5	<i>Scylla serrata</i> (Forsk., 1775)	-	-	-	-	-	+	+	+	+	-	-	-
6	<i>Portunus pelagicus</i> (Linnaeus, 1758)	-	-	-	-	+	+	+	+	+	+	+	+
7	<i>Anadara gransona</i> (Linnaeus, 1758)	-	-	-	+	+	+	+	-	-	-	-	-
8	<i>Ostrea rivularis</i> (Gould 1861)	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	-
9	<i>Placuna placenta</i> (Linnaeus, 1758)	-	+	+	+	+	+	+	+	+	-	-	-
10	<i>Corbicula</i> sp.	-	-	-	+	+	+	+	-	-	-	-	-
11	<i>Meretrix meretrix</i> (Linnaeus, 1758)	-	-	+	+	+	+	+	+	-	-	-	-
12	<i>Perna viridis</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	-	-
13	<i>Anadara subcrenata</i> (Lischke, 1869)	-	-	-	+	+	+	+	+	-	-	-	-
14	<i>Solen</i> sp.	-	-	-	+	+	+	+	-	-	-	-	-
Tổng		3	4	5	9	10	11	12	10	8	7	6	3

3.2.3. Phân bố theo không gian

Do điều kiện môi trường có sự biến động lớn theo không gian, nên sự phân bố các loài Thân mềm và Giáp xác tại các điểm nghiên cứu ở đầm Ô Loan có những khác biệt nhất định. Sự khác biệt đó thể hiện qua số lượng loài ở mỗi điểm nghiên cứu. Ở khu vực xã An Hải (M4) có số loài cao nhất là 12 loài (chiếm 85,71% tổng số loài), tiếp đến khu vực xã An Hiệp (M6) có 8 loài (chiếm 57,14%); các điểm thu mẫu ở xã An Cư (M3), xã An Hải (M4) và xã An Hòa (M7) cùng có 7 loài (chiếm 50%); số lượng loài phân bố ở xã An Ninh Đông (M1) có 6 loài (chiếm 42,86%); xã An Cư (M2) chỉ có 2 loài (chiếm 14,29%).

3.2.4. Đặc điểm phân bố theo độ mặn

Độ mặn là một yếu tố sinh thái quan trọng đối với các thủy vực và vùng đất ngập nước ven biển, quyết định đến sự phân bố, nguồn gốc khu hệ. Mọi sự biến đổi của độ mặn đều dẫn đến sự thay đổi tập tính sinh thái của các loài thủy sinh trong đầm. Sự phân bố động vật Hai mảnh vỏ và Giáp xác ở đầm Ô Loan theo độ mặn được chia làm 2 nhóm sinh thái có nồng độ muối khác nhau:

- Khu vực I: Vùng nước lợ mặn, có nồng độ muối > 20‰, bao gồm khu vực gần cửa biển Tân Quy, vùng nước thuộc xã An Cư (M2) và xã An Hải (M4, M5). Khu vực này phân bố chủ yếu các loài có nguồn gốc từ biển, chúng xâm nhập vào đầm qua cửa biển Tân Quy và thích nghi với môi trường nước lợ mặn. Đây là khu vực phân bố chủ yếu của 12 loài (chiếm 85,71% tổng số loài): Tôm rào đất, Tôm bạc thè, Tôm rần, Trìa mỡ, Dắt, Ghẹ xanh, Cua xanh, Vẹm xanh, Hàu, Sò huyết, Sò lông, Móng tay.

- Khu vực II: Vùng nước lợ điển hình, có nồng độ muối dao động từ 5 - 20‰, bao gồm vùng nước thuộc xã An Ninh Đông (M1), xã An Cư (M3), xã An Hiệp (M6), xã An Hòa (M7). Đây là khu vực phân bố chủ yếu của các loài thích nghi cao với môi trường nước lợ gồm có 09 loài (chiếm 64,29% tổng số loài): Tôm rảo đất, Tôm lột bạc thể, Tôm rần, Tôm sú, Cua xanh, Sò huyết, Hàu, Điệp trắng, Sò lông.

4. KẾT LUẬN

1. Đã xác định được 14 loài động vật Hai mảnh vỏ và Giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan thuộc 10 giống, 9 họ, 6 bộ và 2 lớp. Trong đó, lớp Giáp xác có 6 loài thuộc 4 giống, 2 họ, 1 bộ, lớp Hai mảnh vỏ có 8 loài thuộc 6 giống, 7 họ, 5 bộ. Bộ Decapoda ưu thế nhất về loài với 6 loài (chiếm 42,86%), 3 giống (chiếm 30%), 2 họ (chiếm 22,22%); năm bộ còn lại (Arcoidea, Pectinoidea, Pectinida, Veneroidea, Mytiloidea) cùng có 1 loài (chiếm 7,14%), 1 giống (chiếm 10%), 1 họ (chiếm 11,11%).

2. Đặc điểm phân bố các loài Hai mảnh vỏ và Giáp xác ở đầm Ô Loan theo nền đáy thành 03 nhóm: nền đáy bùn cát, cát bùn và nền đáy cứng. Theo đó, số loài có mặt ở nền đáy bùn – cát có 09 loài (chiếm 64,29% tổng số loài), cát – bùn có 11 loài (78,57% tổng số loài) và nền đáy cứng với 06 loài (chiếm 42,86%).

3. Số lượng loài Hai mảnh vỏ và Giáp xác có sự biến động theo thời gian và không gian. Tại khu vực xã An Hải (M4) có loài cao nhất với 12 loài (chiếm 85,71% tổng số loài), tiếp đến khu vực xã An Hiệp (M6) có 8 loài (chiếm 57,14%); các điểm thu mẫu ở xã An Cư (M3), xã An Hải (M4) và xã An Hòa (M7) cùng có 7 loài (chiếm 50%); số lượng loài phân bố ở xã An Ninh Đông (M1) có 6 loài (chiếm 42,86%); xã An Cư (M2) chỉ có 2 loài (chiếm 14,29%). Số loài thu được cao nhất trong tháng 7 với 12 loài (chiếm 85,71% tổng số loài); kế tiếp là tháng 6 với 11 loài (chiếm 78,57%); tháng 5 và tháng 8 cùng có 10 loài (chiếm 71,43%); tháng 4 có 9 loài (chiếm 64,29%), tháng 9 có 8 loài (chiếm 57,14%); các tháng còn lại dao động trong khoảng 3–6 loài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Chung (1994). *Sinh vật đáy*. Chuyên khảo biển Việt Nam 4, Nguồn lợi sinh vật và các hệ sinh thái biển, 69 - 84.
- [2]. Gurjanova. E. F. (1972). *Fauna of the Tonkin Gulf and conditions of the life in it: Explorations of the fauna of the sea X (XVIII)*. Academic Science. URSS. Zool. Inst. 22, 146.
- [3]. Köhler Frank *et al.* (2009), “Exploring a largely unknown fauna: on the diversity of pachychilid freshwater gastropods in Vietnam” (Caenogastropoda: Cerithioidea). *Mollus. Molluscan Research* 2009 Vol. 29 No. 3 pp. 121-146.
- [4]. Rolf A. M. (1974), *The non-marine aquatic Mollusca of Thailand*.

Đa dạng thành phần loài và phân bố động vật hai mảnh vỏ và giáp xác có giá trị kinh tế ở đầm Ô Loan...

- [5]. Sangradub N. and Boonsoong B., (2004). *Identification of Freshwater Invertebrates of the Mekong River and Tributaries, Thailand*: Mekong River Commission.
- [6]. Đặng Ngọc Thanh, Thái Trần Bái, Phạm Văn Miên (1980). *Định loại động vật không xương sống nước ngọt Bắc Việt Nam*, NXB. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, 573 tr.
- [7]. Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải (2001). *Động vật chí Việt Nam*. Tập 5. Giáp xác nước ngọt. Nxb Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, 239 tr.

DIVERSITY OF SPECIES COMPOSITION AND DISTRIBUTION OF ECONOMICAL BIVALVIA AND CRUSTACEAN IN O LOAN LAGOON, PHU YEN PROVINCE

Hoang Dinh Trung*, Nguyen Huu Nhat

Department of Biology, Hue University College of Sciences

* Email: hoangtrung_na_0208@yahoo.com

ABSTRACT

This paper will present the results of species composition of economical Bivalvia and Crustacea investigated in O Loan lagoon. We have collected sample specimens and identified in seven major sites, which showed that there are 14 species belonging to 10 genera, 9 families, 6 orders with economic value in O Loan Lagoon during the expeditions. Of those, Bivalvia consists of 6 species with 4 genera, 2 families and 1 order while Crustacea has 8 species including 6 genera, 7 families and 5 orders. The results showed that Decapoda has the highest quantity with 6 species (account for 42.86%) belonging to 3 genera (30%), 2 families (22.22%). Five remaining orders (Arcoidea, Pectinoidea, Pectinida, Veneroidea, Mytiloidea), each of them has 1 specie (make up 7.14%), 1 genera (10%) and 1 family (11.11%). This paper also illustrates the distribution of Bivalvia and Crustacea composition in O Loan lagoon, which depends on its nature of substrate, its space, time and its salinity.

Keywords: bivalvia, crustacean, O Loan lagoon, Phu Yen province.